

Bản án số: 2009/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08/10/2018

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Hoan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhơn

2. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Trang – cán bộ
Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà
Trương Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 08/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án “Ly hôn” thụ lý số 406/2018/TLST-HNGĐ ngày 14/3/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 314/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 243/2018/QĐST-HNST ngày 18/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn T

Địa chỉ: Đường T, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trương L

Địa chỉ: Đường T, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn T trình bày:

Bà và ông Trương L tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống chung không còn hạnh phúc do bất đồng quan điểm, không hòa hợp. Bà T và ông L đã ly thân 06 tháng, tuy ở chung nhà nhưng không nói chuyện, không có quan hệ vợ chồng. Mặc dù bà và ông L đã cố gắng hàn gắn nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không thay đổi. Nay bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà T yêu cầu được Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông Trương L.

Về con chung: Bà T và ông Trương L có một con chung là Trương H sinh ngày 26/5/2013. Bà muốn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Trương H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu ông Trương L cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án nhân dân quận Bình Thạnh đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Trương L đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Ngoại trừ việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử thì Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Việc bị đơn trong suốt quá trình giải quyết vụ án đều không đến Tòa án làm việc, nên không có lời trình bày ý kiến của bị đơn, qua đó nhận thấy bị đơn không quan tâm đến quan hệ hôn nhân. Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về việc ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 277, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về nội dung:

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, thấy căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 53/2012, quyển số 01/2012 ngày 15/3/2012 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn T và ông

Trương L là hợp pháp. Theo lời khai của Bà T thì vợ chồng ông bà đã ly thân 06 tháng tuy ở chung nhà nhưng không nói chuyện vì bất đồng quan điểm, không hòa hợp. Mặc dù, vợ chồng bà đã cố gắng hàn gắn nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không thay đổi. Cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà T có làm đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các đương sự để tiến hành hòa giải, nhưng ông Trương L vắng mặt không tham gia phiên hòa giải, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa ông và Bà T không còn, ông L không còn quan tâm cũng như thiết tha đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình. Chính vì vậy Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng của ông, bà không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của Bà T là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà T xin được nuôi con là Trương H, sinh ngày 26/5/2013, hiện cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ và đang sinh sống với Bà T, xét thấy yêu cầu này của Bà T là chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của Bà T, không vi phạm đạo đức, pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khẳng định bà và ông L không có tài sản chung, nợ chung.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn T:
 - Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn T được ly hôn với ông Trương L.
 - Về con chung: Bà Nguyễn T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con chung là Trương H, sinh ngày 26/5/2013.
 - Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn T không yêu cầu ông Trương L cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Nguyễn T phải chịu nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí Bà T đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0004092 ngày 13/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- THA Dân sự Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Hoan